

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NĂM 2024 (ĐỢT 1)
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số: 166/QĐ-CDYT ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

NGÀNH: Y SĨ ĐA KHOA; MÃ NGÀNH: 6720101

STT	MHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
1	A6422	Đoàn Xuân An	19/12/1986	Nam	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		6,10	6,10	6,10	18,30	
2	A6433	Nguyễn Thị Kim An	06/01/1988	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2		6,10	6,30	6,30	18,70	
3	A6240	Nguyễn Hoàng Bảo Anh	22/06/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	3		7,10	7,00	7,50	21,60	
4	A6321	Nguyễn Huỳnh Quốc Anh	30/10/2006	Nam	THPT	Bến Tre	Châu Thành	2NT		6,80	6,90	7,50	21,20	
5	A6484	Lâm Nhật Ánh	15/07/1987	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		6,10	6,20	5,40	17,70	
6	A6075	Dương Hoàng Ân	03/08/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,20	6,50	7,00	19,70	
7	A6435	Lê Thị Bé Ba	12/10/1990	Nữ	THPT	Tiền Giang	TX Cai Lậy	2NT		6,10	6,30	6,20	18,60	
8	A6107	Phan Nguyễn Gia Bảo	03/04/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		6,10	6,30	6,70	19,10	
9	A6464	Trần Thị Ngọc Bích	24/10/1989	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,50	6,50	5,00	18,00	
10	A6448	Nguyễn Thị Bông	22/12/1990	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT						
11	A6476	Phan Trịnh Công	10/04/1991	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		5,50	8,00	8,00	21,50	Tuyển thẳng
12	A6320	Phạm Mạnh Cường	26/03/1989	Nam	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		6,20	5,30	4,70	16,20	
13	A6491	Nguyễn Trung Chánh	24/01/1987	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT						
14	A6101	Nguyễn Hoàng Thái Chiêu	08/06/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		6,10	5,90	7,50	19,50	Tuyển thẳng
15	A6536	Nguyễn Thành Chung	09/07/2003	Nam	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		8,00	7,00	6,00	21,00	
16	A6348	Ngô Quốc Chương	22/03/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		7,20	7,30	8,00	22,50	
17	A6481	Phạm Hữu Danh	28/02/1994	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT						
18	A6384	Ngô Thị Ngọc Diệp	23/10/1996	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,00	6,80	7,30	21,10	Tuyển thẳng
19	A6301	Nguyễn Tiến Duật	28/03/2006	Nam	THPT	Bến Tre	Thạnh Phú	2NT		8,00	8,70	8,00	24,70	
20	A6396	Nguyễn Thị Dung	06/08/1986	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2NT						Tuyển thẳng

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NĂM 2024 (ĐỢT 1)
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số: 166/QĐ-CDYT ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

NGÀNH: Y SĨ ĐA KHOA; MÃ NGÀNH: 6720101

STT	MHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
21	A6510	Trần Thị Mỹ Dung	18/02/1974	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2		6,50	6,00	5,60	18,10	
22	A6443	Nguyễn Minh Duy	11/05/1988	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,00	5,50	4,50	17,00	
23	A6492	Nguyễn Hoàng Anh Duy	29/11/1989	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2		7,00	6,00	8,00	21,00	
24	A6516	Mai Thị Duyên	01/01/1970	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT					Tuyển thẳng	
25	A6393	Nguyễn Hữu Dư	01/04/1994	Nam	THPT	Bến Tre	Mỏ Cày Bắc	2NT		7,20	7,10	6,70	21,00	
26	A6025	Nguyễn Thị Đông Đào	01/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,40	7,20	8,50	23,10	
27	A6139	Mai Anh Tuấn Đạt	22/03/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	TX Cai Lậy	2		8,40	8,50	8,00	24,90	
28	A6185	Lê Trần Tấn Đạt	18/04/2006	Nam	THPT	Bến Tre	Châu Thành	2NT		5,80	5,25	6,75	17,80	
29	A6238	Trần Quốc Đạt	23/10/2006	Nam	THPT	Bến Tre	Châu Thành	2NT		8,40	8,50	8,70	25,60	
30	A6311	Tô Hải Đăng	18/07/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,40	8,70	9,00	26,10	
31	A6416	Lâm Nguyễn Hải Đăng	29/06/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		7,00	8,50	8,50	24,00	
32	A6526	Nguyễn Hoàng Hải Đăng	23/11/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,30	7,20	7,90	22,40	
33	A6452	Nguyễn Hữu Đông	02/03/1992	Nam	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2					Tuyển thẳng	
34	A6442	Đặng Văn Em	01/01/1987	Nam	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2		6,20	5,90	5,70	17,80	
35	A6538	Phạm Quốc Hải	26/06/1976	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT					Tuyển thẳng	
36	A6478	Lương Thị Vân Hảo	16/04/1989	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT					Tuyển thẳng	
37	A6381	Trần Thị Thu Hằng	02/03/1993	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,60	5,60	6,60	18,80	
38	A6500	Nguyễn Thị Tuyết Hân	08/08/1988	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT					Tuyển thẳng	
39	A6514	Phạm Minh Hậu	24/12/1995	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT	03	6,70	7,00	6,80	20,50	
40	A6544	Phan Thị Hậu	20/04/1988	Nữ	THPT	Tiền Giang	Tân Phước	2NT					Tuyển thẳng	

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NĂM 2024 (ĐỢT 1)
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số: 166/QĐ-CDYT ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)
NGÀNH: Y SĨ ĐA KHOA; MÃ NGÀNH: 6720101

STT	MHS	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
41	A6352	Nguyễn Thị Thu	Hiền	05/02/1984	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT						
42	A6485	Nguyễn Thanh	Hiền	15/10/1985	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		5,70	5,80	5,50	17,00	Tuyển thẳng
43	A6364	Phạm Thị	Hiệp	21/01/1990	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2NT						
44	A6362	Huỳnh Minh	Hiếu	01/01/1987	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,00	6,80	6,00	19,80	Tuyển thẳng
45	A6455	Lê Minh	Hiếu	18/08/1994	Nam	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		6,00	6,20	6,30	18,50	
46	A6508	Nguyễn Thanh	Hòa	06/11/2000	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,20	8,50	8,60	24,30	
47	A6417	Nguyễn Thụy Thúy	Hồng	26/12/1991	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2						
48	A6200	Đoàn Nguyễn Quốc	Huy	20/12/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Gò Công Đông	2NT		6,50	6,00	7,90	20,40	Tuyển thẳng
49	A6298	Nguyễn Việt	Huy	30/10/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2		7,50	6,90	8,10	22,50	
50	A6299	Lê Phạm Gia	Huy	30/08/2005	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,80	7,60	7,80	23,20	
51	A6429	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	01/01/1993	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2						
52	A6460	Lê Minh	Huyền	30/01/1985	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		6,00	6,30	5,40	17,70	Tuyển thẳng
53	A6519	Nguyễn Thanh	Hưng	29/07/1978	Nam	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2NT		5,00	5,00	5,00	15,00	
54	A6373	Nguyễn Thị Diễm	Hương	13/10/1997	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT						
55	A6502	Lê Thị Diễm	Hương	01/01/1973	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	3		6,00	9,50	10,00	25,50	Tuyển thẳng
56	A6399	Ngô Thị	Kết	26/06/1972	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT						
57	A6521	Nguyễn Thị Diễm	Kiều	15/06/1990	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2						
58	A6231	Trương Nhật	Kha	20/06/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Gò Công	2		6,20	6,50	7,00	19,70	Tuyển thẳng
59	A6347	Trần Minh	Kha	17/08/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		6,40	6,60	7,40	20,40	
60	A6327	Ung Hoàng	Khang	20/02/2026	Nam	THPT	Đồng Tháp	Tháp Mười	2NT		7,80	8,40	8,20	24,40	

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NĂM 2024 (ĐỢT 1)
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số: 166/QĐ-CDYT ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

NGÀNH: Y SĨ ĐA KHOA; MÃ NGÀNH: 6720101

STT	MHS	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
61	A6482	Dương Tuấn	Khanh	27/06/2000	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT					Tuyển thẳng	
62	A6506	Nguyễn Quốc	Khánh	25/03/1988	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,80	8,30	7,20	23,30	
63	A6383	Lê Thị Ngọc	Lan	26/12/1974	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		5,00	6,50	5,90	17,40	
64	A6507	Nguyễn Ngọc	Lan	09/10/1995	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT					Tuyển thẳng	
65	A6363	Võ Thị Bích	Liên	19/04/1984	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT					Tuyển thẳng	
66	A6375	Lê Phương	Linh	14/04/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,70	7,60	8,50	23,80	
67	A6382	Lâm Thị Trúc	Linh	27/08/1989	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		6,50	6,50	6,50	19,50	
68	A6412	Lê Thị Thùy	Linh	18/06/1991	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		6,10	6,10	6,50	18,70	
69	A6424	Nguyễn Thùy	Linh	19/11/1993	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,70	7,50	7,40	21,60	
70	A6467	Trần Thị Châu	Linh	18/04/1990	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,30	6,10	6,30	18,70	
71	A6208	Lê Trần Phúc	Lộc	17/08/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		7,70	7,40	7,80	22,90	
72	A6534	Võ Hồng	Lung	02/05/1988	Nam	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		7,40	7,00	5,70	20,10	
73	A6475	Nguyễn Thị	Lựu	01/02/1991	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2		6,00	6,20	6,30	18,50	
74	A6111	Phan Ngọc Xuân	Mai	25/12/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		7,40	7,40	7,90	22,70	
75	A6509	Lê Thị	Miễn	25/04/1975	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2NT					Tuyển thẳng	
76	A6372	Tô Công	Minh	25/03/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,30	7,80	8,60	23,70	
77	A6094	Nguyễn Huỳnh Trà	My	18/05/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		7,20	7,20	8,10	22,50	
78	A6236	Lưu Thái Diễm	My	20/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		7,80	8,30	9,20	25,30	
79	A6261	Tô Huỳnh Liễu	My	31/08/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		8,60	8,20	8,20	25,00	
80	A6340	Nguyễn Thị Nhựt	Mỹ	07/09/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		7,20	7,80	7,90	22,90	

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NĂM 2024 (ĐỢT 1)
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số. 166/QĐ-CDYT ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

NGÀNH: Y SĨ ĐA KHOA; MÃ NGÀNH: 6720101

STT	MHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
81	A6385	Nguyễn Trường Nhứt	Nam	07/09/1991	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT	5,90	6,80	6,60	19,30	
82	A6432	Mai Trần Ái	Ny	05/09/1999	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT				Tuyển thẳng	
83	A6277	Nguyễn Thị Thanh	Nga	02/01/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT	7,50	7,30	8,00	22,80	
84	A6343	Trương Thị Kim	Nga	31/08/1971	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT	10,00	5,00	9,00	24,00	
85	A6466	Phan Thị	Ngân	22/08/1990	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT	9,00	8,50	7,00	24,50	
86	A6013	Hồ Thị Kim	Ngân	04/12/2001	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT	8,40	8,20	8,10	24,70	
87	A6505	Trần Thị Tuyết	Ngân	11/04/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Thị xã Cai Lậy	2	6,40	6,70	7,20	20,30	
88	A6528	Lê Thị Thanh	Ngân	16/11/2003	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT	6,20	6,40	7,10	19,70	
89	A6389	Triệu Thị Phương	Nghi	11/07/2006	Nữ	THPT	Long An	Tân Thạnh	2NT	7,60	8,40	9,10	25,10	
90	A6112	Nguyễn Lê Trung	Nghĩa	09/02/2006	Nam	THPT	Đồng Tháp	Tháp Mười	2NT	6,90	6,30	7,80	21,00	
91	A6269	Phạm Hoài Trọng	Nghĩa	29/07/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT	6,80	7,75	7,50	22,05	
92	A6419	Đặng Huỳnh Trọng	Nghĩa	11/04/1997	Nam	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2	6,30	6,70	7,20	20,20	
93	A6358	Nguyễn Thị Bích	Ngoan	13/04/1995	Nữ	THPT	Long An	Thanh Hoá	2NT	6,50	9,00	7,00	22,50	
94	A6450	Phùng Thị	Ngoan	12/09/1980	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT	5,70	5,80	5,80	17,30	
95	A6198	Dương Thanh	Ngọc	05/10/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2	5,00	7,25	7,25	19,50	
96	A6404	Nguyễn Thị Thanh	Ngọc	13/10/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT	8,30	8,30	8,40	25,00	
97	A6146	Nguyễn Thụy Thảo	Nguyên	17/06/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2	7,30	6,60	7,90	21,80	
98	A6360	Trần Nguyễn Đức	Nguyên	11/12/1988	Nam	THPT	Tiền Giang	TP Gò Công	2	4,80	8,00	5,50	18,30	
99	A6430	Nguyễn Thảo	Nguyên	26/02/1996	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2	5,90	5,90	6,70	18,50	
100	A6488	Phan Văn	Nguyên	07/09/1968	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2	7,00	8,00	7,00	22,00	

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NĂM 2024 (ĐỢT 1)
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số: 166/QĐ-CDYT ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

NGÀNH: Y SĨ ĐA KHOA; MÃ NGÀNH: 6720101

STT	MHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
101	A6368	Huỳnh Hồng Nguyệt	29/10/1989	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2					Tuyển thẳng	
102	A6323	Nguyễn Thanh Nhân	10/01/2006	Nam	THPT	Long An	Thủ Thừa	2NT		8,20	8,10	8,30	24,60	
103	A6271	Nguyễn Thành Nhân	17/11/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		5,90	6,20	6,60	18,70	
104	A6459	Võ Hoài Nhân	07/09/1993	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	KV3		5,70	5,70	6,00	17,40	
105	A6489	Trương Thị Mai Nhi	08/08/1988	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT					Tuyển thẳng	
106	A6515	Nguyễn Thị Yến Nhi	11/05/1999	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT					Tuyển thẳng	
107	A6421	Hồ Thị Cẩm Nhung	22/08/2005	Nữ	THPT	Bến Tre	Châu Thành	2NT		6,30	6,00	7,10	19,40	
108	A6468	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	27/07/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,60	7,40	7,80	21,80	
109	A6501	Trần Thị Cẩm Nhung	11/02/1985	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2					Tuyển thẳng	
110	A6159	Nguyễn Ngọc Huỳnh Như	21/08/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,20	5,90	6,80	18,90	
111	A6336	Chung Thị Huỳnh Như	28/05/1987	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT					Tuyển thẳng	
112	A6441	Võ Thị Nhưường	27/03/1977	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2		5,90	5,50	5,80	17,20	
113	A6110	Lê Minh Nhựt	03/09/1990	Nam	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		7,00	7,10	6,90	21,00	
114	A6108	Phan Thị Hoàng Oanh	29/08/2000	Nữ	THPT	Bến Tre	Ba Tri	1		8,70	8,50	8,60	25,80	
115	A6522	Nguyễn Đức Phát	05/04/2004	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,00	6,40	6,25	19,65	
116	A6124	Trịnh Minh Phong	17/10/1989	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,80	6,30	6,20	19,30	
117	A6493	Âu Dương Phong	24/09/2001	Nam	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		6,40	6,40	7,50	20,30	
118	A6165	Lê Minh Phú	08/03/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	TX Cai Lậy	2		7,40	6,70	7,60	21,70	
119	A6131	Hồ Duy Hoàng Phúc	11/10/2005	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		6,20	7,00	7,60	20,80	
120	A6377	Nguyễn Thanh Phúc	18/07/1992	Nam	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2					Tuyển thẳng	

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NĂM 2024 (ĐỢT 1)
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số: 166/QĐ-CDYT ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

NGÀNH: Y SĨ ĐA KHOA; MÃ NGÀNH: 6720101

STT	MHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
121	A6525	Lý Thị Kim	Phượng	17/10/1972	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2	6,00	5,50	7,00	18,50	
122	A6529	Đỗ Nguyễn Kim	Phượng	11/11/2003	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT	6,10	6,50	6,80	19,40	
123	A6397	Nguyễn Huỳnh Phượng	Quỳnh	25/07/1989	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT	7,20	7,10	6,90	21,20	
124	A6420	Phạm Kim	Quỳnh	13/02/1990	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2NT	5,70	5,70	5,90	17,30	
125	A6113	Lê Trịnh Diễm	Quỳnh	11/04/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT	6,90	6,00	7,80	20,70	
126	A6249	Hồ Ngọc Như	Quỳnh	30/08/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT	7,60	7,30	8,00	22,90	
127	A6370	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	02/08/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	Mỏ Cày Nam	2NT	8,10	8,10	8,40	24,60	
128	A6199	Phùng Nguyễn Ngọc	Sang	08/04/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT	7,70	8,00	8,80	24,50	
129	A6533	Phùng Văn	Sin	26/07/1998	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT					Tuyển thẳng
130	A6137	Nguyễn Minh	Tài	07/03/1996	Nam	THPT	Bến Tre	Châu Thành	2NT	7,80	8,60	8,30	24,70	
131	A6353	Nguyễn Thanh	Tâm	19/02/1992	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT	5,10	5,90	5,20	16,20	
132	A6434	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	21/01/1990	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT					Tuyển thẳng
133	A6471	Lưu Văn	Tâm	15/05/1971	Nam	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT	6,50	6,50	5,00	18,00	
134	A6517	Trương Ngọc	Tâm	06/04/1986	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2					Tuyển thẳng
135	A6523	Nguyễn Chí	Tâm	21/06/1988	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT	5,90	6,10	5,70	17,70	
136	A6230	Nguyễn Duy	Tân	01/06/2006	Nam	THPT	Bến Tre	Mỏ Cày Nam	2NT	6,60	7,50	8,30	22,40	
137	A6425	Phạm Thành	Tân	06/06/1986	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT	5,50	4,90	5,30	15,70	
138	A6244	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	17/07/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT	5,80	8,25	7,25	21,30	
139	A6444	Nguyễn Ngọc	Tiên	18/03/1986	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT					Tuyển thẳng
140	A6480	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	07/02/1999	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT					Tuyển thẳng

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NĂM 2024 (ĐỢT 1)
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số: 166/QĐ-CDYT ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

NGÀNH: Y SĨ ĐA KHOA; MÃ NGÀNH: 6720101

STT	MHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
141	A6247	Nguyễn Trọng	Tính	29/09/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Tân Phước	2NT	5,70	6,00	7,60	19,30	
142	A6328	Nguyễn Anh	Tuấn	30/09/1977	Nam	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2	10,00	6,00	6,50	22,50	
143	A6428	Võ Ngọc	Tuấn	15/02/1974	Nam	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2NT				Tuyển thẳng	
144	A6449	Đặng Thanh	Tuấn	01/01/1971	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT	5,00	5,00	5,00	15,00	
145	A6152	Bùi Thanh	Tùng	05/09/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT	7,20	6,75	5,00	18,95	
146	A6314	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	12/11/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT	7,70	7,70	8,20	23,60	
147	A6440	Trương Thị Thanh	Tuyền	24/02/1990	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2NT				Tuyển thẳng	
148	A6288	Nguyễn Minh	Thái	02/09/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2	6,60	6,70	7,60	20,90	
149	A6357	Ứng Thông	Thái	10/03/1999	Nam	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2	6,60	7,00	6,40	20,00	
150	A6436	Phạm Quốc	Thái	01/01/1973	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT				Tuyển thẳng	
151	A6540	Hồ Minh	Thái	01/09/1987	Nam	THPT	TP. HCM	Tân Phú	2NT	9,00	8,00	7,50	24,50	
152	A6332	Nguyễn Văn	Thanh	29/06/1994	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT	5,90	5,50	5,50	16,90	
153	A6371	Võ Thị Mộng	Thanh	28/01/1988	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT				Tuyển thẳng	
154	A6511	Lê Thị Minh	Thanh	29/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Tân Phước	2NT	8,90	9,00	9,20	27,10	
155	A6414	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	16/12/1989	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT				Tuyển thẳng	
156	A6437	Lê Thị Kim	Thảo	20/11/1991	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2	5,90	5,60	6,50	18,00	
157	A6527	Nguyễn Khắc Trọng	Thảo	10/06/1994	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT	7,40	6,90	7,00	21,30	
158	A6426	Nguyễn Thị Ngọc	Thắm	02/05/1987	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT				Tuyển thẳng	
159	A6458	Nguyễn Văn	Thận	01/01/1976	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT	6,80	8,50	9,50	24,80	
160	A6490	Bùi Cao	Thế	06/08/1988	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT	7,50	7,00	8,50	23,00	

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NĂM 2024 (ĐỢT 1)
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số: 166/QĐ-CDYT ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

NGÀNH: Y SĨ ĐA KHOA; MÃ NGÀNH: 6720101

STT	MHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
161	A6438	Võ Thị Ngọc	Thi	13/11/1997	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2	6,70	6,60	7,00	20,30	
162	A6245	Âu Phúc	Thịnh	15/12/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2	7,00	6,30	7,40	20,70	
163	A6325	Nguyễn Vũ Phú	Thịnh	30/10/2006	Nam	THPT	Long An	Đức Hòa	2NT	6,40	6,50	7,70	20,60	
164	A6445	Nguyễn Diệu	Thống	04/10/1983	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT				Tuyển thẳng	
165	A6294	Trần Thị Ngọc	Thuy	07/02/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT	7,30	7,30	7,50	22,10	
166	A6374	Dương Thị Thanh	Thúy	15/10/1993	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2NT	6,30	5,50	6,10	17,90	
167	A6498	Phan Thị Thanh	Thúy	22/10/1989	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT				Tuyển thẳng	
168	A6427	Võ Thị	Thùy	05/05/1991	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT				Tuyển thẳng	
169	A6394	Nguyễn Quốc	Thương	22/03/1993	Nam	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2	7,80	8,30	8,40	24,50	
170	A6280	Trần Khánh	Thy	19/09/2001	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT	7,10	7,80	7,80	22,70	
171	A6140	Trịnh Trần Bảo	Trang	07/09/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2NT	6,70	7,40	7,70	21,80	
172	A6392	Đào Thị Thùy	Trang	31/08/1979	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT	7,50	7,30	7,80	22,60	
173	A6413	Trần Thị Quyền	Trang	01/08/1989	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT	7,10	6,80	6,90	20,80	
174	A6447	Nguyễn Thị Thuý	Trang	15/04/1989	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT				Tuyển thẳng	
175	A6479	Phạm Trần Hoài	Trang	10/08/1986	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2NT	5,90	5,90	6,00	17,80	
176	A6531	Nguyễn Thị Thanh	Trang	21/10/1972	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành		4,00	7,00	5,00	16,00	
177	A6355	Nguyễn Ngọc Quế	Trân	17/07/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TX Cai Lậy	2NT	6,20	7,40	7,90	21,50	
178	A6395	Phạm Thị Kiều	Trân	24/07/1991	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2NT	8,50	6,50	7,00	22,00	
179	A6474	Trần Thị Huỳnh	Trân	28/06/1997	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT				Tuyển thẳng	
180	A6483	Nguyễn Thái	Trân	27/04/2001	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT	6,00	6,80	7,90	20,70	

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NĂM 2024 (ĐỢT 1)
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số: 166/QĐ-CDYT ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

NGÀNH: Y SĨ ĐA KHOA; MÃ NGÀNH: 6720101

STT	MHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
181	A6497	Lê Ngọc Trinh	15/06/1994	Nữ	THPT	Tiền Giang	Tân Phú Đông	2NT		6,70	6,50	6,70	19,90	
182	A6499	Lê Thị Đoan Trinh	13/06/1994	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		5,50	6,00	5,90	17,40	
183	A6439	Nguyễn Thanh Tròn	26/05/1979	Nam	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		5,80	6,10	5,10	17,00	
184	A6545	Nguyễn Thị Kim Tròn	19/02/1986	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,00	7,10	7,40	21,50	
185	A6398	Trần Thanh Trúc	02/01/1985	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		6,70	7,50	6,40	20,60	
186	A6454	Trần Ngọc Mai Trúc	23/06/1993	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2NT		5,50	6,10	5,80	17,40	
187	A6461	Nguyễn Thị Thanh Trúc	15/08/1994	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT						Tuyển thẳng
188	A6470	Võ Thị Thanh Trúc	12/07/1994	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2NT		5,90	6,10	5,70	17,70	
189	A6537	Đỗ Thị Xuân Trúc	09/02/2000	Nữ	THPT	Bến Tre	Bình Đại	2NT		6,70	7,10	7,30	21,10	
190	A6446	Nguyễn Thành Trung	10/05/1989	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT						Tuyển thẳng
191	A6535	Hồ Văn Trung	06/07/1986	Nam	THPT	Nghệ An	TX Hoàng Mai	2		5,50	5,80	6,00	17,30	
192	A6539	Nguyễn Thành Trung	10/06/1988	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		5,90	6,40	6,30	18,60	
193	A6162	Trần Minh Trục	07/05/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		7,50	6,80	8,20	22,50	
194	A6543	Lê Văn Út	10/08/1988	Nam	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		6,00	6,10	6,10	18,20	
195	A6378	Nguyễn Văn Vân	22/10/1971	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,10	6,90	6,60	20,60	
196	A6415	Nguyễn Đình Tuyết Vân	16/02/2000	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,50	7,40	8,10	23,00	
197	A6473	Nguyễn Thành Vinh	12/12/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	TP Gò Công	2		6,40	5,90	6,10	18,40	
198	A6153	Nguyễn Phan Thúy Vy	23/12/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		8,20	7,50	8,30	24,00	
199	A6218	Nguyễn Ngọc Tường Vy	30/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2		8,80	8,60	8,20	25,60	
200	A6463	Phan Lê Tường Vy	16/06/2003	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT						Tuyển thẳng

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NĂM 2024 (ĐỢT 1)
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số: 166/QĐ-CDYT ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

NGÀNH: Y SĨ ĐA KHOA; MÃ NGÀNH: 6720101

STT	MHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
201	A6487	Nguyễn Võ Khánh Vy	25/11/2001	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Tân An	2		8,00	7,70	8,30	24,00	
202	A6405	Lê Thị Ngọc Xuyên	25/10/1991	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,70	6,30	6,50	19,50	
203	A6418	Nguyễn Thị Xứng	24/12/1989	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT					Tuyển thẳng	
204	A6206	Điêu Thị Hồng Yến	19/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		8,30	8,60	8,80	25,70	
205	A6367	Nguyễn Thị Kim Yến	04/12/1988	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT					Tuyển thẳng	
206	A6542	Phan Thanh Khoa	20/07/1978	Nam	THPT	Tiền Giang	Tân Phước	2NT		6,10	6,10	6,20	18,40	

Danh sách này có: 206 thí sinh./.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NĂM 2024 (ĐỢT 1)
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số: 166/QĐ-CĐYT ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

NGÀNH: HỘ SINH; MÃ NGÀNH: 6720303

STT	MHS	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
1	A6266	Đới Thị Hồng	Cúc	23/09/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Tân Phú Đông	1		8,00	8,00	7,25	23,25	
2	A6275	Phạm Ngọc Gia	Hân	04/06/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,40	7,80	8,60	24,80	
3	A6496	Ngô Gia	Hân	23/05/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		8,40	8,40	8,70	25,50	
4	A6307	Võ Thị Bích	Như	20/01/1994	Nữ	THPT	TP. HCM	Cần Giờ	2		6,10	6,30	6,20	18,60	
5	A6313	Nguyễn Ngọc Phương	Quỳnh	17/02/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,00	8,50	8,90	25,40	
6	A6144	Nguyễn Thị Anh	Thư	16/01/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,40	8,00	8,70	24,10	
7	A6031	Huỳnh Ngọc Hoàng	Trâm	08/04/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		6,60	6,90	7,90	21,40	
8	A6078	Nguyễn Thị Hương	Trâm	09/07/2003	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,20	6,10	6,90	19,20	

Danh sách này có: 08 thí sinh./.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NĂM 2024 (ĐỢT 1)
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số: 166/QĐ-CDYT ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG; MÃ NGÀNH: 6720301

STT	MHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
1	A6234	Trần Quốc An	19/12/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,30	7,80	8,60	23,70	
2	A6045	Nguyễn Thị Huế Anh	28/03/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		8,30	8,20	7,80	24,30	
3	A6148	Nguyễn Trần Lan Anh	19/05/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Tân Phú Đông	2NT		7,90	8,00	8,40	24,30	
4	A6312	Lê Thị Tuyết Anh	07/01/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2		6,60	6,90	7,70	21,20	
5	A6530	Đỗ Tuyết Anh	17/07/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	Giồng Trôm	2NT		7,20	8,10	8,10	23,40	
6	A6182	Nguyễn Thị Bích Ân	26/01/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,50	8,60	8,80	25,90	
7	A6188	Nguyễn Hồng Ân	11/10/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2NT		8,00	6,80	8,70	23,50	
8	A6369	Nguyễn Thị Khánh Ân	09/04/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	Mỏ Cày Nam	2NT		8,10	7,40	8,00	23,50	
9	A6520	Nguyễn Duy Bảo	27/11/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,30	8,30	8,10	24,70	
10	A6524	Võ Thị Khánh Băng	29/06/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,90	7,20	7,70	21,80	
11	A6084	Trần Thị Ngọc Châu	13/05/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2		8,40	8,40	8,80	25,60	
12	A6380	Trần Thị Ngọc Châu	27/06/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		8,10	7,60	8,00	23,70	
13	A6376	Võ Huỳnh Ngọc Diệp	18/11/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	Bình Đại	2NT		7,70	7,80	8,10	23,60	
14	A6040	Cao Võ Hoàng Dung	09/02/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Tân Phước	2NT		7,70	7,20	7,90	22,80	
15	A6216	Hồ Phạm Phương Dung	22/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,20	6,40	8,20	21,80	
16	A6054	Nguyễn Thị Trường Duy	26/12/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	TX Cai Lậy	2NT		6,40	6,90	6,60	19,90	
17	A6057	Dương Quốc Duy	05/05/2005	Nam	THPT	Tiền Giang	Tân Phú Đông	1		5,20	6,70	6,60	18,50	
18	A6067	Lê Hải Trường Duy	04/07/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,80	6,40	6,90	20,10	
19	A6183	Huỳnh Đức Duy	12/10/2006	Nam	THPT	Bến Tre	Châu Thành	2NT		5,80	5,10	6,50	17,40	
20	A6335	Võ Thị Tường Duy	22/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		6,40	6,50	7,40	20,30	

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NĂM 2024 (ĐỢT 1)
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số: 166/QĐ-CDYT ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG; MÃ NGÀNH: 6720301

STT	MHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
21	A6513	Trần Bảo Duy	06/01/2006	Nam	THPT	Bến Tre	Mỏ Cây Nam	2NT		7,20	6,80	7,10	21,10	
22	A6065	Cao Thị Mỹ Duyên	18/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,70	6,80	8,00	21,50	
23	A6282	Trần Thị Mỹ Duyên	17/07/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2		7,00	7,10	7,60	21,70	
24	A6319	Nguyễn Thị Yến Duyên	15/09/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2		6,00	8,50	7,00	21,50	
25	A6026	Nguyễn Ngọc Thùy Dương	07/06/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,90	6,20	7,50	20,60	
26	A6202	Dương Phát Đạt	03/02/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,70	8,70	8,80	26,20	
27	A6205	Dương Thành Đạt	10/09/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2		6,00	7,25	6,25	19,50	
28	A6267	Huỳnh Văn Phúc Đô	09/08/2006	Nam	THPT	Bến Tre	Thanh Phú	2NT		6,30	6,70	7,00	20,00	
29	A6239	Phan Minh Đức	27/05/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,10	8,40	8,90	25,40	
30	A6095	Nguyễn Xuân Thanh Giang	03/06/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,30	5,50	6,30	18,10	
31	A6196	Trần Thị Ngọc Giao	27/09/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,00	7,40	8,30	22,70	
32	A6219	Huỳnh Thị Ngọc Hà	23/09/2006	nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2		7,30	7,30	7,90	22,50	
33	A6066	Nguyễn Thị Thanh Hằng	25/03/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,60	7,00	8,20	21,80	
34	A6029	Dương Khả Hân	13/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,90	6,80	8,10	21,80	
35	A6076	Đinh Nguyễn Ngọc Hân	17/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,30	6,80	7,00	21,10	
36	A6143	Nguyễn Gia Hân	25/03/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		7,20	7,20	8,50	22,90	
37	A6189	Đinh Thị Gia Hân	12/11/2006	Nữ	THPT	Long An	Thủ Thừa	2NT		7,80	8,30	8,30	24,40	
38	A6228	Trần Thị Ngọc Hân	29/04/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		5,70	6,00	7,40	19,10	
39	A6423	Nguyễn Ngọc Hân	22/08/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		7,20	7,30	8,00	22,50	
40	A6243	Lưu Trọng Hậu	22/09/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		7,40	7,80	8,50	23,70	

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NĂM 2024 (ĐỢT 1)
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số: 166/QĐ-CDYT ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG; MÃ NGÀNH: 6720301

STT	MHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
41	A6005	Bùi Trung Hiếu	14/01/1997	Nam	THPT	Long An	Tân An	2		5,80	6,30	6,80	18,90	
42	A6178	Nguyễn Kim Hiếu	20/01/2006	Nữ	THPT	Hậu Giang	TP Ngã Bảy	2NT		7,00	7,10	7,50	21,60	
43	A6074	Lê Thị Hiếu Hoa	29/10/1998	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		6,60	6,00	7,80	20,40	
44	A6341	Nguyễn Ngọc Bảo Hòa	29/12/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,30	8,00	8,80	25,10	
45	A6518	Phan Chí Hùng	11/10/2006	Nam	THPT	Bến Tre	Ba Tri	2NT		7,30	5,70	7,20	20,20	
46	A6227	Ngô Hoàng Huy	29/04/2001	Nam	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		6,90	7,70	8,90	23,50	
47	A6263	Trần Thị Như Huyền	26/06/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	Giồng Trôm	2NT		9,10	8,90	9,00	27,00	
48	A6176	Mai Trang Huỷnh	16/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,20	7,20	7,20	21,60	
49	A6053	Lê Thị Ngọc Hương	15/08/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,40	8,30	8,80	25,50	
50	A6181	Lê Nguyễn Viễn	14/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		6,20	7,50	6,25	19,95	
51	A6118	Phạm Phương Kiều	23/04/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,50	7,50	8,50	22,50	
52	A6255	Đào Thị Linh Kha	05/03/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	Bình Đại	2NT		7,10	6,90	8,00	22,00	
53	A6051	Nguyễn Trúc Linh	17/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,30	6,10	7,70	20,10	
54	A6215	Võ Thị Yến Linh	04/01/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,40	7,80	8,70	23,90	
55	A6253	Phạm Nguyễn Ánh Linh	16/08/2006	Nữ	THPT	Tây Ninh	Tân Biên	2NT		7,30	7,40	8,70	23,40	
56	A6226	Bùi Đoàn Thanh Loan	23/05/2006	Nữ	THPT	Đồng Nai	Biên Hòa	2		7,00	6,90	7,70	21,60	
57	A6030	Nguyễn Thành Lợi	24/11/1994	Nam	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		7,50	6,40	6,30	20,20	
58	A6386	Nguyễn Minh Luân	18/01/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2		6,30	5,90	7,00	19,20	
59	A6403	Nguyễn Thành Luân	08/08/2004	Nam	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		7,30	8,00	7,90	23,20	
60	A6041	Lê Thị Ngọc Mai	18/06/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	Bình Đại	2NT		8,10	8,60	8,70	25,40	

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NĂM 2024 (ĐỢT 1)
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số: 166/QĐ-CDYT ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG; MÃ NGÀNH: 6720301

STT	MHS	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
61	A6191	Phạm Thị Ngọc	Minh	16/05/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		7,80	7,70	8,60	24,10	
62	A6119	Võ Thị Diễm	My	16/01/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		7,90	7,80	8,50	24,20	
63	A6477	Dương Thị Diễm	My	12/07/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TX Cai Lậy	2		8,10	8,40	8,40	24,90	
64	A6003	Nguyễn Lê Thanh	Ngân	06/08/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2		6,90	7,30	8,30	22,50	
65	A6251	Bùi Ngọc	Ngân	07/03/2004	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2NT		6,40	5,70	7,00	19,10	
66	A6324	Võ Thị Thu	Ngân	11/09/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Đông	2NT		6,90	6,90	7,80	21,60	
67	A6333	Võ Nguyễn Thúy	Ngân	08/03/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		7,40	6,70	7,20	21,30	
68	A6339	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	07/09/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		6,80	7,00	7,30	21,10	
69	A6400	Trần Thị Kim	Ngân	25/02/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		6,70	6,70	7,60	21,00	
70	A6411	Huỳnh Thị Kim	Ngân	16/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Đông	2		5,20	5,40	7,20	17,80	
71	A6512	Ngô Thị Thanh	Ngân	18/12/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	Mỏ Cày Nam	2NT		7,20	7,70	8,50	23,40	
72	A6132	Huỳnh Kim	Ngọc	30/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		8,00	8,30	9,10	25,40	
73	A6163	Nguyễn Lữ Như	Ngọc	26/06/2006	Nữ	THPT	Long An	TP Tân An	2		7,20	7,25	5,50	19,95	
74	A6303	Lâm Thị Như	Ngọc	29/06/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Tân Phú Đông	2NT		7,90	8,60	8,80	25,30	
75	A6356	Võ Thị Kim	Ngọc	21/12/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		6,50	6,70	8,00	21,20	
76	A6059	Nguyễn Phương	Nguyên	16/09/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	Bình Đại	1		6,30	6,00	6,90	19,20	
77	A6115	Phan Thị Thảo	Nguyên	17/09/2002	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		7,70	7,90	8,10	23,70	
78	A6192	Đỗ Phúc	Nguyên	16/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		6,30	6,50	7,70	20,50	
79	A6229	Trần Phước	Nguyên	21/10/2006	Nữ	THPT	An Giang	An Phú	2		6,90	7,40	7,40	21,70	
80	A6268	Tạ Thị Minh	Nguyệt	11/06/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		5,40	6,00	7,25	18,65	

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NĂM 2024 (ĐỢT 1)
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số: 166/QĐ-CDYT ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG; MÃ NGÀNH: 6720301

STT	MHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
81	A6296	Lê Thị Minh Nguyệt	12/02/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Đông	2NT		7,00	7,20	8,40	22,60	
82	A6034	Đặng Bảo Nhi	05/09/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		7,10	7,60	8,50	23,20	
83	A6122	Ngô Thị Tuyết Nhi	21/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,00	5,40	6,60	18,00	
84	A6157	Phan Thị Yến Nhi	11/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		6,00	5,90	6,60	18,50	
85	A6295	Nguyễn Lý Vân Nhi	28/12/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Tân Phú Đông	2NT		8,00	8,80	8,80	25,60	
86	A6349	Trần Thị Yến Nhi	05/08/1997	Nữ	THPT	Bến Tre	Giồng Trôm	2NT		7,10	6,60	6,80	20,50	
87	A6351	Nguyễn Tuyết Nhi	28/06/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		7,80	6,80	8,50	23,10	
88	A6541	Lê Nguyễn Yến Nhi	06/04/2001	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		7,20	7,50	7,40	22,10	
89	A6220	Nguyễn Thị Hồng Nhung	20/08/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2		7,20	6,70	7,20	21,10	
90	A6300	Nguyễn Thị Mỹ Nhung	16/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2		6,70	7,10	8,30	22,10	
91	A6017	Trần Thị Ánh Như	26/05/2001	Nữ	THPT	Bến Tre	Châu Thành	2NT		7,20	7,30	7,20	21,70	
92	A6055	Nguyễn Ngọc Bảo Như	29/06/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		6,20	7,00	8,00	21,20	
93	A6093	Trần Quỳnh Như	25/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,00	7,20	8,30	22,50	
94	A6194	Trần Quỳnh Như	31/05/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2NT		8,00	8,10	8,60	24,70	
95	A6272	Nguyễn Vũ Tố Như	09/06/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		5,60	5,70	4,70	16,00	
96	A6465	Nguyễn Huỳnh Nhựt Phát	31/01/2005	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,20	7,30	8,40	22,90	
97	A6027	Đặng Duy Phong	19/01/2001	Nam	THPT	Vĩnh Long	Vũng Liêm	2NT		6,60	6,50	7,30	20,40	
98	A6252	Nguyễn Thanh Phong	05/05/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		7,00	8,50	7,00	22,50	
99	A6190	Võ Quang Triệu Phú	02/09/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2NT		7,30	6,70	7,90	21,90	
100	A6046	Trương Hoàng Phúc	08/04/2005	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		8,60	8,40	8,80	25,80	

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NĂM 2024 (ĐỢT 1)
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số: 166/QĐ-CDYT ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG; MÃ NGÀNH: 6720301

STT	MHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
101	A6308	Nguyễn Thị Ngọc Phụng	19/07/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,90	6,10	7,40	20,40	
102	A6322	Nguyễn Lê Kim Phương	12/06/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		7,00	6,30	7,50	20,80	
103	A6193	Lê Đình Quyền	29/11/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		6,20	7,75	8,25	22,20	
104	A6278	Phùng Thị Thuý Quỳnh	22/04/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,50	8,70	8,90	26,10	
105	A6052	Võ Thị Tuyết Sang	09/07/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,20	7,40	8,60	23,20	
106	A6315	Nguyễn Cao Thái Sang	20/12/2005	Nam	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		7,90	7,70	7,50	23,10	
107	A6259	Phạm Phát Tài	02/03/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	TX Gò Công	2NT		6,30	5,60	6,40	18,30	
108	A6221	Nguyễn Cảnh Tân	04/01/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,00	7,25	6,75	21,00	
109	A6133	Nguyễn Tuấn Tấn	10/03/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,00	8,50	9,10	25,60	
110	A6109	Hàng Kiều Tem	01/04/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		8,30	8,00	8,80	25,10	
111	A6204	Lê Như Ngọc Tuyền	13/07/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		7,10	6,40	7,70	21,20	
112	A6136	Huỳnh Hữu Thái	29/10/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		7,10	6,70	7,80	21,60	
113	A6184	Nguyễn Thị Lan Thanh	16/02/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	TP Bến Tre	2		7,80	7,30	6,60	21,70	
114	A6402	Võ Duy Thanh	18/12/2006	Nam	THPT	Long An	Tân An	2		7,40	8,50	8,30	24,20	
115	A6016	Nguyễn Ngọc Thanh	22/08/2002	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2		7,70	7,00	7,70	22,40	
116	A6171	Phùng Thanh Thảo	19/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,50	7,20	7,90	22,60	
117	A6326	Nguyễn Nguyễn Hồng Thắm	14/03/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2NT		7,90	7,00	8,50	23,40	
118	A6293	Trần Thị Kim Thùy	04/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		6,70	6,30	7,10	20,10	
119	A6114	Trần Thị Minh Thư	03/07/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,20	6,40	7,50	20,10	
120	A6120	Trương Thanh Thư	16/06/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2		6,80	7,40	7,70	21,90	

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NĂM 2024 (ĐỢT 1)
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số: 166/QĐ-CDYT ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG; MÃ NGÀNH: 6720301

STT	MHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
121	A6135	Trương Khánh Thu	25/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Gò Công	2		6,30	6,40	7,70	20,40	
122	A6147	Nguyễn Trần Anh Thu	09/08/2004	Nữ	THPT	Tiền Giang	Tân Phú Đông	2NT		7,10	6,60	6,50	20,20	
123	A6237	Trần Ngô Minh Thu	01/02/2006	Nữ	THPT	Long An	Tân Trụ	2NT		8,10	8,20	8,40	24,70	
124	A6330	Đặng Minh Thu	11/06/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	Bình Đại	2NT		8,00	7,90	8,00	23,90	
125	A6406	Nguyễn Thị Minh Thu	11/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,50	7,10	7,40	21,00	
126	A6195	Phạm Thị Yến Trang	21/03/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	Thạnh Phú	2NT		6,10	7,50	7,50	21,10	
127	A6287	Lê Nguyễn Thùy Trang	27/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,50	7,10	8,00	22,60	
128	A6304	Lê Trần Mỹ Trang	03/05/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Tân Phú Đông	2NT		7,20	7,60	7,90	22,70	
129	A6401	Lê Thị Phương Trang	07/02/2006	Nữ	THPT	Long An	Tân An	2		9,00	9,20	9,00	27,20	
130	A6082	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	11/10/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Gò Công	2		7,60	8,40	8,70	24,70	
131	A6134	Nguyễn Thị Yến Trâm	08/07/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		6,10	5,70	7,10	18,90	
132	A6167	Lý Quyền Trân	21/01/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,30	8,30	8,80	25,40	
133	A6306	Bùi Nguyễn Hoàng Trân	20/09/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Gò Công	2NT		8,30	8,30	8,80	25,40	
134	A6291	Nguyễn Kiều Phương Trinh	08/04/2024	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		9,30	8,90	8,30	26,50	
135	A6337	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	07/05/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	Châu Thành	2NT		7,30	7,40	8,60	23,30	
136	A6469	Nguyễn Thị Thanh Trúc	02/04/2004	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,40	7,70	8,30	23,40	
137	A6175	Huỳnh Hiếu Trung	18/03/2006	Nam	THPT	Bến Tre	Châu Thành	2NT		6,80	7,00	8,00	21,80	
138	A6062	Trần Thị Thuý Vi	08/04/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,40	7,90	8,30	23,60	
139	A6099	Lê Quang Vinh	30/06/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,90	8,50	9,10	26,50	
140	A6129	Võ Thanh Vinh	14/04/2006	Nam	THPT	Bến Tre	Giồng Trôm	2NT		6,80	7,10	7,70	21,60	

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NĂM 2024 (ĐỢT 1)
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số. 166/QĐ-CDYT ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG; MÃ NGÀNH: 6720301

STT	MHS	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
141	A6258	Nguyễn Thành	Vinh	12/12/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	TP Gò Công	2NT		6,40	5,90	6,10	18,40	
142	A6264	Võ Trung	Vĩnh	19/09/2006	Nam	THPT	Bến Tre	TP Bến Tre	2		7,10	7,00	8,20	22,30	
143	A6043	Phan Thị Thúy	Vy	10/04/2006	Nữ	THPT	Long An	Tân An	2		7,70	8,00	8,30	24,00	
144	A6080	Lê Thuý	Vy	01/12/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,60	7,00	7,60	21,20	
145	A6138	Trần Thị Tường	Vy	30/08/2006	Nữ	THPT	Long An	Châu Thành	2NT		7,50	7,20	7,80	22,50	
146	A6214	Nguyễn Ngọc Yến	Vy	06/03/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		8,30	7,80	8,30	24,40	
147	A6246	Nguyễn Mộng Tường	Vy	15/09/2002	Nữ	THPT	Tiền Giang	Tân Phước	2NT		5,30	5,80	6,90	18,00	
148	A6408	Nguyễn Thái	Vỹ	19/10/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Tân Phú Đông	2NT		6,90	7,30	7,80	22,00	
149	A6126	Nguyễn Hoàng	Xuyến	24/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Tân Phú Đông	2NT		7,30	7,70	8,00	23,00	
150	A6072	Văn Ngọc Như	Ý	11/07/2006	Nữ	THPT	Long An	Cần Đước	2NT		7,10	7,60	8,80	23,50	
151	A6009	Trần Thụy Hồng	Yến	30/07/2005	Nữ	THPT	Bến Tre	Mỏ Cày Bắc	2NT		6,20	5,60	6,70	18,50	
152	A6089	Huỳnh Thị Bảo	Yến	09/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,00	7,30	8,10	22,40	
153	A6209	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	03/05/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2		6,50	6,20	7,50	20,20	
154	A6213	Nguyễn Thị Mỹ	Yến	06/08/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		6,50	6,80	7,80	21,10	

Danh sách này có: 154 thí sinh./.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NĂM 2024 (ĐỢT 1)
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số: 166/QĐ-CDYT ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

NGÀNH: DƯỢC, MÃ NGÀNH: 6720201

STT	MHS	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
1	A6203	Nguyễn Khánh	An	15/05/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	Châu Thành	2NT		7,40	7,00	7,00	21,40	
2	A6334	Hồ Ngọc Thanh	An	14/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		6,30	6,30	7,80	20,40	
3	A6302	Lê Thị Ngọc	Cẩm	23/07/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		7,90	7,90	8,50	24,30	
4	A6015	Nguyễn Ngọc	Châu	18/09/2000	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		7,50	6,90	7,40	21,80	
5	A6225	Nguyễn Thị Triều	Châu	24/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,10	7,20	7,90	22,20	
6	A6180	Đỗ Thị Kim	Chi	23/03/2003	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		7,10	7,50	7,20	21,80	
7	A6344	Nguyễn Văn Minh	Chí	18/09/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Tân Phú Đông	2NT		7,90	8,30	8,50	24,70	
8	A6127	Nguyễn Minh	Danh	23/11/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Tân Phú Đông	2NT		7,00	7,60	7,90	22,50	
9	A6130	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	01/04/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,10	7,60	8,10	22,80	
10	A6232	Phan Thị Hồng	Diễm	25/01/1999	Nữ	THPT	Sóc Trăng	TP. Sóc Trăng	1		6,10	7,20	8,30	21,60	
11	A6006	Lê Ngọc	Diệu	25/03/2000	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		5,70	6,30	6,60	18,60	
12	A6472	Lê Hoàng	Dung	17/04/2003	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,00	7,00	7,90	21,90	
13	A6007	Mai Thanh	Duy	19/07/1998	Nam	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		6,80	6,50	7,50	20,80	
14	A6270	Nguyễn Trần Mỹ	Duyên	22/05/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Gò Công	2		8,30	8,30	8,80	25,40	
15	A6019	Nghê Thị Thùy	Dương	15/05/2003	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		6,00	6,30	7,60	19,90	
16	A6028	Dương Thị Thùy	Dương	18/08/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		6,50	7,00	7,60	21,10	
17	A6391	Nguyễn Văn Ga Duy	Đall	20/12/2003	Nam	THPT	Bến Tre	Bình Đại	2NT		6,50	6,10	6,20	18,80	
18	A6060	Nguyễn Hồng	Đào	12/11/1996	Nữ	THPT	Tiền Giang	Tân Phước	2		6,50	5,80	7,00	19,30	
19	A6117	Nguyễn Hoàng	Đạt	01/12/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		6,80	8,00	8,00	22,80	
20	A6305	Nguyễn Thành	Đạt	22/02/2005	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,30	7,30	7,50	21,10	

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NĂM 2024 (ĐỢT 1)
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số: 166/QĐ-CDYT ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

NGÀNH: DƯỢC, MÃ NGÀNH: 6720201

STT	MHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
21	A6058	Trần Hồng Điệp	18/05/2004	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		6,80	6,40	7,20	20,40	
22	A6409	Nguyễn Thị Thiện Đoan	31/05/2004	Nữ	THPT	Tiền Giang	Tân Phước	2NT		6,90	7,00	7,70	21,60	
23	A6125	Lê Thị Ngọc Giao	25/02/1998	Nữ	THPT	Bến Tre	Mỏ Cày Bắc	2NT		7,20	7,10	6,80	21,10	
24	A6063	Nguyễn Lê Thị Kim Hào	23/06/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,20	7,50	8,50	23,20	
25	A6150	Võ Huỳnh Ngọc Hân	27/06/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		5,80	5,80	6,60	18,20	
26	A6164	Phan Thị Ngọc Hân	27/12/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,80	7,70	8,90	24,40	
27	A6354	Nguyễn Gia Hân	04/10/2006	Nữ	THPT	Long An	Châu Thành	2NT		7,60	7,80	8,50	23,90	
28	A6503	Nguyễn Thị Ngọc Hân	04/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		8,90	8,60	8,60	26,10	
29	A6201	Nguyễn Thùy Hậu	21/05/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,20	8,10	9,10	25,40	
30	A6366	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	23/08/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TX Cai Lậy	2		8,10	8,30	8,90	25,30	
31	A6431	Phạm Ngọc Trang Huyền	05/04/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Đông	2NT		7,50	7,40	8,20	23,10	
32	A6207	Trần Phương Huỳnh	22/09/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		6,30	6,40	7,10	19,80	
33	A6014	Đặng Sông Hương	12/11/2003	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		8,40	8,60	8,40	25,40	
34	A6087	Trần Thị Quỳnh Hương	12/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		6,70	6,10	7,20	20,00	
35	A6262	Hồ Huỳnh Hương	07/09/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,50	7,10	8,40	23,00	
36	A6104	Đoàn Đình Nguyên Khang	10/07/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	3		7,00	7,30	8,20	22,50	
37	A6020	Nguyễn Hồ Gia Khanh	31/07/2000	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		8,50	8,20	8,50	25,20	
38	A6004	Võ Tấn Khoa	10/12/2004	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		8,40	8,50	8,90	25,80	
39	A6456	Phạm Anh Khoa	20/06/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		6,90	6,30	7,20	20,40	
40	A6494	Trần Văn Khôi	05/11/1997	Nam	THPT	Long An	Vĩnh Hưng	2NT		8,20	8,40	8,00	24,60	

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NĂM 2024 (ĐỢT 1)
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số: 166/QĐ-CDYT ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

NGÀNH: DƯỢC, MÃ NGÀNH: 6720201

STT	MHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
41	A6279	Nguyễn Thị Trúc Lam	09/07/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2		8,30	8,50	8,90	25,70	
42	A6179	Ngô Thị Giao Linh	14/05/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Gò Công	2		8,10	8,30	9,30	25,70	
43	A6222	Huỳnh Thị Yến Linh	28/12/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	Thạnh Phú	2NT		8,20	8,10	8,50	24,80	
44	A6297	Trương Thị Trúc Linh	19/03/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,10	7,30	8,40	22,80	
45	A6079	Nguyễn Minh Luân	18/01/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2		6,30	5,90	7,00	19,20	
46	A6387	Bùi Thị Luyến	25/07/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		6,40	6,10	7,10	19,60	
47	A6451	Nguyễn Hoàng Lực	17/10/2006	Nam	THPT	Vĩnh Long	TP Vĩnh Long	2		7,00	7,50	8,50	23,00	
48	A6235	Nguyễn Văn Trung Lượng	07/03/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Tân Phước	2		7,80	8,10	8,50	24,40	
49	A6318	Phạm Văn Lượng	13/02/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		8,20	8,25	7,75	24,20	
50	A6142	Huỳnh Thị Xuân Mai	06/06/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TX Cai Lậy	2		7,30	6,40	7,30	21,00	
51	A6486	Nguyễn Huỳnh Mai	15/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		8,50	8,10	8,30	24,90	
52	A6149	Nguyễn Thị Diễm Mi	24/11/2006	Nữ	THPT	Sơn La	Yên Châu	2NT		6,70	5,90	6,90	19,50	
53	A6088	Nguyễn Phan Trà My	17/08/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	Châu Thành	2NT		8,70	8,60	8,50	25,80	
54	A6106	Trần Thị Diễm My	08/08/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,80	7,30	7,80	21,90	
55	A6462	Phạm Thị Diễm My	11/11/2003	Nữ	THPT	Tiền Giang	TX Cai Lậy	2		7,50	7,60	8,10	23,20	
56	A6121	Võ Thị Ngọc Mỹ	11/12/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,80	8,90	8,90	26,60	
57	A6081	Nguyễn Thị Kim Ngân	08/03/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,20	6,70	7,90	21,80	
58	A6174	Nguyễn Thị Thu Ngân	14/05/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,90	9,20	9,20	27,30	
59	A6274	Ngô Thị Thanh Ngân	15/09/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,80	9,10	9,10	27,00	
60	A6281	Đỗ Thị Kim Ngân	07/07/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2		8,70	8,40	8,80	25,90	

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NĂM 2024 (ĐỢT 1)
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số: 166/QĐ-CDYT ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

NGÀNH: DƯỢC, MÃ NGÀNH: 6720201

STT	MHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
61	A6361	Bùi Thị Kim Ngân	12/06/1999	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		6,60	7,10	7,40	21,10	
62	A6223	Phạm Huỳnh Minh Nghi	11/04/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		6,80	6,50	7,80	21,10	
63	A6453	Liêu Huỳnh Xuân Nghi	12/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		8,40	8,50	6,75	23,65	
64	A6021	Nguyễn Hồ Gia Ngọc	31/07/2000	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		8,40	8,50	8,10	25,00	
65	A6276	Huỳnh Thị Hồng Ngọc	16/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TX Cai Lậy	2NT		8,00	7,50	8,00	23,50	
66	A6070	Trần Thị Thanh Nguyên	18/10/2003	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		6,80	7,00	6,50	20,30	
67	A6290	Võ Trần Mỹ Nguyên	09/09/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		7,10	7,90	8,80	23,80	
68	A6248	Đinh Trung Nhân	16/12/2006	Nam	THPT	Bến Tre	Châu Thành	2NT		7,80	8,40	8,50	24,70	
69	A6047	Trần Thị Yến Nhi	22/05/2006	Nữ	THPT	Long An	Tân An	2		8,20	8,40	8,50	25,10	
70	A6169	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	30/04/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		7,00	6,50	8,10	21,60	
71	A6256	Nguyễn Thị Yến Nhi	05/08/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	Mỏ Cày Nam	2NT		7,60	7,50	7,25	22,35	
72	A6010	Nguyễn Ngọc Nhung	04/06/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		9,10	9,10	9,20	27,40	
73	A6083	Lê Huỳnh Như	24/02/1999	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Gò Công	2		7,40	7,30	6,90	21,60	
74	A6224	Đào Võ Ngọc Như	02/08/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,00	8,25	7,25	22,50	
75	A6018	Nguyễn Minh Nhựt	16/11/2002	Nam	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		7,80	7,50	7,75	23,05	
76	A6050	Nguyễn Văn Nhựt	07/02/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Tân Phú Đông	2NT		6,20	6,60	7,00	19,80	
77	A6504	Lê Nguyễn Lâm Nhựt	08/05/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		7,10	6,90	7,40	21,40	
78	A6407	Bùi Thị Kiều Oanh	22/12/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,00	8,40	8,50	24,90	
79	A6042	Nguyễn Thanh Phú	07/09/2006	Nam	THPT	Long An	Tân An	2		7,00	7,30	7,90	22,20	
80	A6001	Du Huỳnh Phương	29/03/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	TX. Gò Công	2		7,80	8,40	8,60	24,80	

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NĂM 2024 (ĐỢT 1)
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số: 166/QĐ-CDYT ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

NGÀNH: DƯỢC, MÃ NGÀNH: 6720201

STT	MHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
81	A6032	Nguyễn Thị Thanh	Phương	26/10/2002	Nữ	THPT	Bến Tre	Mỏ Cày Nam	2NT	6,50	7,10	7,40	21,00	
82	A6035	Bùi Thúy	Phương	05/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT	7,20	6,60	8,00	21,80	
83	A6172	Nguyễn Anh	Quang	12/03/2006	Nam	THPT	Bến Tre	TP Bến Tre	2NT	6,90	7,00	8,50	22,40	
84	A6292	Ngô Tường	Quân	24/09/2006	Nam	THPT	Bến Tre	Giồng Trôm	2NT	8,50	8,30	8,30	25,10	
85	A6105	Trần Thị Cẩm	Quyên	13/04/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT	7,50	8,00	8,40	23,90	
86	A6187	Nguyễn Lan	Quyên	02/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT	7,20	7,40	8,20	22,80	
87	A6286	Lê Đặng Tú	Quyên	29/05/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Tân Phước	2NT	8,10	8,00	8,20	24,30	
88	A6128	Nguyễn Ngọc Phương	Quỳnh	21/12/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2	5,10	5,00	7,00	17,10	
89	A6044	Phạm Ngọc	Son	21/03/1997	Nam	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2	6,50	6,50	6,70	19,70	
90	A6457	Trương Dương Hoàng	Son	25/09/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2	7,60	7,75	7,00	22,35	
91	A6145	Huỳnh Quốc	Tiến	25/03/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Tân Phước	2NT	7,40	7,70	8,40	23,50	
92	A6197	Nguyễn Minh	Tiến	02/04/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT	7,60	6,90	8,00	22,50	
93	A6177	Lâm Trung	Tín	06/01/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT	7,20	7,10	8,00	22,30	
94	A6061	Lê Thị Ru	Tơ	05/05/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	Tân Phú Đông	1	7,30	6,80	7,50	21,60	
95	A6002	Phan Dương Minh	Tú	05/11/2000	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2	7,90	8,10	8,40	24,40	
96	A6037	Huỳnh Ngọc Cẩm	Tú	07/03/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2	7,80	8,30	8,90	25,00	
97	A6168	Trần Đoàn Kim	Tuyến	01/05/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT	9,00	8,40	8,70	26,10	
98	A6011	Bùi Như	Tuyết	07/12/2003	Nữ	THPT	Long An	Tân An	2	8,60	9,10	8,90	26,60	
99	A6388	Ngô Thanh	Thanh	30/01/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	TP Bến Tre	2	6,50	6,20	6,70	19,40	
100	A6103	Lê Hữu	Thành	05/04/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT	7,80	6,60	6,80	21,20	

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NĂM 2024 (ĐỢT 1)
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số: 166/QĐ-CDYT ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

NGÀNH: DƯỢC, MÃ NGÀNH: 6720201

STT	MHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
101	A6350	Nguyễn Ngọc Thành	20/04/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	TP Gò Công	2		7,10	6,90	8,10	22,10	
102	A6022	Đào Thị Thu Thảo	02/03/2002	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP. Gò Công	2		6,30	6,60	7,70	20,60	
103	A6283	Nguyễn Thị Thanh Thảo	15/12/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		5,90	5,80	7,80	19,50	
104	A6284	Phạm Thị Thảo	04/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Đông	2NT		5,80	5,00	7,00	17,80	
105	A6241	Bồ Quốc Thắng	29/04/2006	Nam	THPT	Bến Tre	Mỏ Cày Bắc	2NT		6,30	6,60	6,80	19,70	
106	A6156	Nguyễn Thị Ngọc Thắm	05/02/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Tân Phú Đông	2NT		8,10	7,90	8,30	24,30	
107	A6329	Nguyễn Ngọc Thi	15/09/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,30	7,20	7,90	22,40	
108	A6365	Nguyễn Hoàng Thơ	26/07/2003	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2NT		7,30	6,80	7,60	21,70	
109	A6359	Đặng Nguyễn Phương Thủy	24/09/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TX Cai Lậy	2		6,60	7,50	7,25	21,35	
110	A6154	Lê Ngọc Phương Thùy	21/09/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,30	7,70	8,60	23,60	
111	A6254	Huỳnh Ngọc Thùy	20/08/2000	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,50	7,60	7,90	23,00	
112	A6257	Đặng Trần Diễm Thúy	07/09/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	Mỏ Cày Nam	2NT		7,40	7,00	7,25	21,65	
113	A6090	Nguyễn Thị Kim Thuyền	20/04/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		7,20	7,30	8,60	23,10	
114	A6038	Nguyễn Ngọc Anh Thư	20/08/1999	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2NT		7,80	7,80	7,40	23,00	
115	A6049	Huỳnh Minh Thư	31/05/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		6,80	8,25	5,50	20,55	
116	A6173	Võ Lê Minh Thư	04/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2NT		8,00	8,90	8,90	25,80	
117	A6289	Đỗ Thị Ngọc Thư	08/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		7,90	8,00	8,40	24,30	
118	A6310	Lê Nguyễn Thị Minh Thư	09/09/2006	Nữ	THPT	Long An	Thị xã Kiến Tường	2		7,40	7,20	8,20	22,80	
119	A6410	Ngô Thanh Anh Thư	10/12/2002	Nữ	THPT	TP. HCM	Quận 7	3		7,70	7,40	7,90	23,00	
120	A6077	Châu Thị Ngọc Thương	20/04/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		7,80	6,80	8,40	23,00	

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NĂM 2024 (ĐỢT 1)
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số: 166/QĐ-CDYT ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

NGÀNH: DƯỢC, MÃ NGÀNH: 6720201

STT	MHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
121	A6151	Trần Khánh Thy	04/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		8,40	8,60	9,10	26,10	
122	A6211	Phạm Nhã Thy	13/05/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		6,60	6,40	8,40	21,40	
123	A6265	Nguyễn Minh Thy	04/07/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,40	7,80	9,10	24,30	
124	A6161	Nguyễn Ngọc Đoan Trang	07/08/2006	Nữ	THPT	TP. HCM	Tân Bình	2		6,20	5,90	7,90	20,00	
125	A6345	Phạm Thị Kim Trang	21/12/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Đông	2NT		7,40	7,20	7,90	22,50	
126	A6033	Bùi Ngọc Trâm	16/09/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		7,90	7,90	8,60	24,40	
127	A6073	Đặng Thảo Trâm	08/11/2005	Nữ	THPT	Vĩnh Long	Trà Ôn	2NT		8,20	8,30	8,50	25,00	
128	A6085	Lê Ngọc Trâm	20/01/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TX Cai Lậy	2		7,50	6,40	7,60	21,50	
129	A6155	Đỗ Thị Huỳnh Trâm	30/12/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,00	7,10	8,20	22,30	
130	A6260	Lê Đặng Huỳnh Trâm	19/04/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		7,70	7,80	8,00	23,50	
131	A6309	Lý Ngọc Huyền Trâm	07/10/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	Giồng Trôm	2NT		7,60	7,50	7,80	22,90	
132	A6338	Lê Nguyễn Ngọc Trâm	05/01/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Đông	2NT		6,90	7,00	7,80	21,70	
133	A6123	Đặng Ngọc Mỹ Trân	14/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TX Cai Lậy	2		7,20	8,50	6,25	21,95	
134	A6141	Lê Nguyễn Kiều Trân	14/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2NT		7,60	8,10	8,90	24,60	
135	A6342	Huỳnh Trần Quế Trân	27/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		7,50	7,30	8,50	23,30	
136	A6064	Lê Thị Thu Trúc	12/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,20	7,50	8,40	23,10	
137	A6273	Phạm Thị Ngọc Truyền	15/05/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Đông	2NT		8,10	7,90	8,60	24,60	
138	A6158	Lê Nguyễn Phương Uyên	02/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		6,60	7,75	6,25	20,60	
139	A6217	Nguyễn Hồng Vân	16/04/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,40	7,30	7,60	22,30	
140	A6317	Lê Thúy Vi	07/09/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		5,50	5,90	7,00	18,40	

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NĂM 2024 (ĐỢT 1)
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số: 166/QĐ-CDYT ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

NGÀNH: DƯỢC, MÃ NGÀNH: 6720201

STT	MHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
141	A6008	Phạm Mai Phương Vy	02/10/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,40	6,70	7,00	20,10	
142	A6023	Nguyễn Ngân Tường Vy	16/03/2001	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,80	6,40	7,30	20,50	
143	A6069	Ngô Ngọc Cẩm Vy	04/01/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		6,40	7,80	8,40	22,60	
144	A6166	Đoàn Thúy Vy	21/12/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		7,00	6,40	7,70	21,10	
145	A6170	Phạm Cai Tường Vy	25/01/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		5,30	5,70	7,30	18,30	
146	A6250	Nguyễn Thị Ngọc Vy	12/11/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	TP Bến Tre	2		6,30	6,50	6,30	19,10	
147	A6316	Phan Thành Thảo Vy	12/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	3		5,80	7,90	8,60	22,30	
148	A6331	Phan Triệu Vy	25/02/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		5,20	5,70	7,70	18,60	
149	A6495	Phạm Nguyễn Phương Vy	30/03/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	TP Bến Tre	2		7,20	6,20	7,00	20,40	
150	A6210	Phùng Thanh Xuân	20/06/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		9,30	9,30	9,40	28,00	
151	A6091	Nguyễn Trương Như Ý	28/05/2003	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,40	7,30	7,70	22,40	
152	A6186	Trần Thị Ngọc Như Ý	20/06/2003	Nữ	THPT	Long An	Châu Thành	2NT		7,50	7,70	8,10	23,30	
153	A6532	Võ Thị Như Ý	28/06/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TX Cai Lậy	2		8,70	8,70	8,90	26,30	
154	A6233	Lê Tạ Gia Yên	22/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		7,60	8,50	6,50	22,60	
155	A6346	Phạm Thị Hải Yên	16/09/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		8,30	8,00	8,20	24,50	

Danh sách này có: 155 thí sinh./.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NĂM 2024 (ĐỢT 1)
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC

(Kèm theo Quyết định số: 166/QĐ-CDYT ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

STT	MHS	Tên ngành	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
NGÀNH: DƯỢC (35 THÍ SINH)													
1	D6004	Dược	Nguyễn Hồng An	03/12/1989	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	7,00	7,10	7,00	21,10	
2	C6004	Dược	Dương Bảo Cường	02/12/1990	Nam	THPT	Bến Tre	Ba Tri	6,90	5,50	5,50	17,90	
3	D6017	Dược	Phạm Thị Ngọc Châu	13/04/1990	Nữ	THPT	Bến Tre	Giồng Trôm	6,70	6,50	6,80	20,00	
4	B6021	Dược	Nguyễn Thị Kim Dung	10/09/1986	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	7,80	7,70	7,00	22,50	
5	D6007	Dược	Nguyễn Nhật Duy	19/10/1995	Nam	THPT	Bến Tre	Bình Đại	6,20	7,00	7,10	20,30	
6	D6005	Dược	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	30/01/1995	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Đông	8,10	7,60	7,60	23,30	
7	D6012	Dược	Phạm Mỹ Duyên	18/03/2001	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP.Mỹ Tho	6,30	6,40	7,50	20,20	
8	B6013	Dược	Nguyễn Văn Êm	25/10/1997	Nam	THPT	Long An	Thạnh Hóa	5,20	5,40	6,70	17,30	
9	B6019	Dược	Lê Thị Hạnh	01/01/1978	Nữ	THPT	Tiền Giang	Tân Phước	6,00	5,80	5,00	16,80	
10	D6019	Dược	Trần Thị Thanh Hằng	04/12/1986	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	6,30	6,90	7,00	20,20	
11	B6001	Dược	Nguyễn Thị Ngọc Hân	23/12/1995	Nữ	THPT	Tiền Giang	TX Gò Công	6,50	6,80	6,10	19,40	
12	C6001	Dược	Ngô Thị Thục Hiền	01/08/1987	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	7,30	7,20	7,00	21,50	
13	C6002	Dược	Huỳnh Hoa Hồng	09/02/1996	Nữ	THPT	Tiền Giang	TX Cai Lậy	6,90	7,60	7,70	22,20	
14	D6006	Dược	Võ Đăng Khoa	10/11/1989	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	6,30	5,80	6,10	18,20	
15	B6018	Dược	Lê Thị Lộc	09/03/1983	Nữ	THPT	Tiền Giang	TX Cai Lậy	6,20	5,80	6,30	18,30	
16	B6005	Dược	Đặng Thị Kim Ngân	10/12/1995	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	6,90	7,00	6,90	20,80	
17	D6016	Dược	Nguyễn Thị Minh Ngọc	24/11/1999	Nữ	THPT	Tây Ninh	Dương Minh Châu	5,90	6,50	5,80	18,20	
18	D6008	Dược	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	21/06/1977	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	7,70	7,80	7,90	23,40	
19	D6001	Dược	Nguyễn Vũ Thanh Phương	22/03/1995	Nam	THPT	Tiền Giang	TP.Mỹ Tho	9,00	9,20	8,90	27,10	
20	D6002	Dược	Phan Anh Tuấn	21/10/2002	Nam	THPT	Tiền Giang	TP.Mỹ Tho	8,00	7,90	7,80	23,70	
21	D6022	Dược	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	02/01/2001	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	9,10	9,20	9,10	27,40	
22	D6021	Dược	Võ Huệ Thi	24/10/1995	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP.Mỹ Tho	7,30	7,10	6,60	21,00	



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NĂM 2024 (ĐỢT 1)
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC

(Kèm theo Quyết định số: 166/QĐ-CDYT ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

STT	MHS	Tên ngành	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
23	C6003	Dược	Phan Thị Nhã Thi	23/05/1984	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP. Mỹ Tho	7,50	7,60	7,70	22,80	
24	B6023	Dược	Trần Thị Thu	01/01/1984	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	6,20	6,30	6,30	18,80	
25	B6024	Dược	Nguyễn Thị Hoài Thu	01/01/1985	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	6,60	6,90	6,80	20,30	
26	D6011	Dược	Trần Khánh Thy	19/09/2001	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	7,10	7,80	7,80	22,70	
27	B6015	Dược	Trần Thị Thùy Trang	29/04/1991	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	6,40	6,60	6,70	19,70	
28	B6020	Dược	Nguyễn Thị Huyền Trang	24/08/1988	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	7,70	7,60	7,60	22,90	
29	D6010	Dược	Đoàn Thị Phương Trang	20/11/1999	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	9,10	9,00	8,90	27,00	
30	D6013	Dược	Phạm Nữ Kiều Trang	09/10/1990	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	7,10	6,90	6,90	20,90	
31	D6018	Dược	Lê Thị Thảo Trang	26/09/1974	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	6,50	7,60	7,70	21,80	
32	B6002	Dược	Nguyễn Ngọc Hà Trâm	07/10/1995	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	7,10	7,90	7,50	22,50	
33	D6009	Dược	Đường Thế Văn	23/07/1995	Nam	THPT	Bến Tre	Mỏ Cày Bắc	8,80	9,20	9,20	27,20	
34	D6014	Dược	Nguyễn Thị Thùy Vân	30/09/1992	Nữ	THPT	Bến Tre	Giồng Trôm	6,90	7,20	7,20	21,30	
35	D6003	Dược	Lê Thị Ngọc Yên	04/02/1999	Nữ	THPT	Bến Tre	Ba Tri	8,30	8,20	7,90	24,40	
NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG (14 THÍ SINH)													
36	B6012	Điều dưỡng	Nguyễn Đức Hoa An	05/08/1990	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	6,90	6,80	6,30	20,00	
37	B6009	Điều dưỡng	Nguyễn Thị Kim Chung	01/01/1986	Nữ	THPT	Trà Vinh	Càng Long	6,70	7,30	7,70	21,70	
38	B6007	Điều dưỡng	Nguyễn Ngọc Mỹ Duyên	07/09/1994	Nữ	THPT	Bến Tre	Bình Đại	5,20	5,60	5,90	16,70	
39	D6020	Điều dưỡng	Mai Thị Mỹ Duyên	24/12/1996	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	8,50	10,00	9,00	27,50	
40	C6006	Điều dưỡng	Nguyễn Công Hậu	27/05/1994	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	6,30	6,30	6,70	19,30	
41	B6003	Điều dưỡng	Đặng Thị Hồng Liên	21/03/1987	Nữ	THPT	Long An	Cần Đước	7,00	6,50	6,30	19,80	
42	C6009	Điều dưỡng	Huỳnh Minh Ngọc	22/06/1999	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	6,70	6,80	6,90	20,40	
43	C6010	Điều dưỡng	Phạm Thị Yến Nhi	30/11/1995	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	5,90	6,80	7,40	20,10	
44	B6014	Điều dưỡng	Lê Thị Kim Oanh	27/11/1973	Nữ	THPT	Hồ Chí Minh	Thủ Đức	5,00	5,00	6,50	16,50	
45	C6007	Điều dưỡng	Nguyễn Thị Kim Phụng	17/10/1986	Nữ	THPT	Bến Tre	Giồng Trôm	6,50	6,50	5,80	18,80	
46	C6008	Điều dưỡng	Nguyễn Trúc Phương	25/11/2002	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	6,80	7,50	8,40	22,70	
47	B6017	Điều dưỡng	Nguyễn Thị Cẩm Tú	22/02/1994	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	6,50	6,00	7,00	19,50	



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NĂM 2024 (ĐỢT 1)
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC
 (Kèm theo Quyết định số: 166/QĐ-CDYT ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

STT	MHS	Tên ngành	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
48	B6016	Điều dưỡng	Huỳnh Thị Ngọc Thảo	13/08/1990	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	7,40	6,30	6,10	19,80	
49	C6005	Điều dưỡng	Tạ Trang Thy	15/02/2003	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	6,90	6,90	7,40	21,20	
NGÀNH: HỘ SINH (03 THÍ SINH)													
50	B6022	Hộ sinh	Bùi Thị Hồng Lan	09/10/1986	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	6,20	5,70	3,50	15,40	
51	B6011	Hộ sinh	Nguyễn Thị Bích Ngọc	20/11/1988	Nữ	THPT	Tiền Giang	TX Cai Lậy	7,00	6,50	5,90	19,40	
52	B6004	Hộ sinh	Trần Thị Thu Thủy	10/06/1985	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	6,80	7,10	7,00	20,90	

Danh sách này có: 52 thí sinh./